

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Giáo dục; Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Phương Chi

2. Ngày tháng năm sinh: 09/01/1980; Nam ; Nữ; Quốc tịch: Việt nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thành phố Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 28 Vỹ Thị, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 28 Vỹ Thị, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0944584339;

E-mail: chinp@hnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến nay: Giảng viên Khoa Toán Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà nội

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm Hà nội

Địa chỉ cơ quan: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Điện thoại cơ quan: 02438330841

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 6 năm 2001; số văn bằng: B0324290; ngành: Toán học, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội

- Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 2 năm 2004; số văn bằng: 1275; ngành: Giáo dục học; chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học toán học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà nội

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 3 năm 2010; số văn bằng:; ngành: Khoa học tự nhiên; chuyên ngành: Lý luận dạy học môn Toán; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Potsdam, CHLB Đức.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Giáo dục.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Dạy học môn Toán ở trường phổ thông theo hướng tích hợp.

- Tích hợp trong đào tạo giáo viên Toán – Vật lý.

- Dạy học nội dung Xác suất – Thống kê ở trường phổ thông.

- Đánh giá trong dạy học môn Toán ở trường phổ thông và trong đào tạo giáo viên.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 đề tài NCKH cấp Trường Đại học Sư phạm Hà nội;

- Đã công bố (số lượng) 20 bài báo khoa học, trong đó 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng chương sách đã xuất bản 06, trong đó 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên theo quy định chế độ làm việc của giảng viên của Bộ giáo dục và đào tạo.

- Luôn giữ vững đạo đức nghề nghiệp, tác phong sư phạm đúng mực, luôn phấn đấu tìm tòi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có chuyên môn và năng lực sư phạm tốt, hoàn thành nhiệm vụ đào tạo bậc đại học và bậc sau đại học.

- Có trình độ ngoại ngữ tốt, thường xuyên giảng dạy bằng Tiếng Anh cho các lớp sinh viên thuộc chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh của Khoa Toán Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà nội.

- Có năng lực nghiên cứu tốt, đã chủ trì các đề tài nghiên cứu cơ bản và công bố các kết quả khoa học trên các tạp chí quốc gia và quốc tế, đã có các chương sách được xuất bản bởi nhà xuất bản uy tín trên thế giới.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 10 tháng (tính từ thời gian hết tập sự tháng 8/2003 đến tháng 6/2022)

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn quy đổi/số giờ chuẩn định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015		1	1	3	180	45	225/415/280
2	2015-2016		2	2	3	120	45	165/425/280
3	2018-2019		1			210	105	315/465/243
03 năm học cuối								
4	2019-2020					375	45	420/630/243
5	2020-2021			1		300	45	345/565/243
6	2021-2022					300	75	375/750/243

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước (*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: CHLB Đức năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà nội

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Ngô Thị Tú Quyên	x			x	2014-2019	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	21/01/2020
2	Võ Xuân Mai	x			x	2015-2020	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	18/01/2021
3	Nguyễn Thị Thúy		x	x		2013-2015	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	08/01/2016
4	Nguyễn Thị Hồng Phương		x	x		2014-2016	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	18/01/2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5	Nguyễn Thị Mỹ Hương		x	x		2014-2016	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	18/01/2017
6	Trần Thị Thanh Huyền		x	x		2015-2017	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	30/01/2018
7	Nguyễn Thanh Nga		x	x		2016-2018	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	26/12/2018
8	Nguyễn Phương Thảo		x	x		2019-2021	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	30/12/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Comparison of Mathematics and Physics Education I (ISBN: 978-3-658-29879-1, 978-3-658-29880-7)	CK	Springer, 2020	15		15-35 (chương sách, 2 tác giả)	
2	Comparison of Mathematics and Physics Education I (ISBN: 978-3-658-29879-1, 978-3-658-29880-7)	CK	Springer, 2020	15		55-75 (chương sách, 3 tác giả)	
3	Comparison of Mathematics and Physics Education I (ISBN: 978-3-658-29879-1, 978-3-658-29880-7)	CK	Springer, 2020	15		91-112 (chương sách, 4 tác giả)	
4	Comparison of Mathematics and	CK	Springer, 2020	15		137-156 (chương sách,	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Physics Education I (ISBN: 978-3-658-29879-1, 978-3-658-29880-7)					4 tác giả)	
5	Comparison of Mathematics and Physics Education II (ISBN: 978-3-658-36414-4, 978-3-658-36415-1)	CK	Springer, 2022	18		91-96 (chương sách, 1 tác giả)	
6	Comparison of Mathematics and Physics Education II (ISBN: 978-3-658-36414-4, 978-3-658-36415-1)	CK	Springer, 2022	18		299-305 (chương sách, 1 tác giả)	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 03 (số thứ tự 1,5,6).

Lưu ý:

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Dạy học Toán ở trường trung học phổ thông theo hướng tích hợp thông qua các dự án học tập	CN	SPHN17-03TT	12/2017-5/2019	Nghiệm thu 27/5/2019/ Xuất sắc
2	Vận dụng các kỹ thuật đánh giá vì sự tiến bộ học tập trong dạy học các học phần phương pháp dạy học Toán ở	CN	SPHN20-03TT	6/2020-12/2021	Nghiệm thu 10/12/2021/ Xuất sắc

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Trường Đại học Sư phạm Hà nội				
-------------------------------	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Sách giáo khoa Đại số 10, Đại số và Giải tích 11 hỗ trợ giáo viên về phương pháp dạy học xác suất thống kê	1	x	Tạp chí Giáo dục/ 21896- 0866-7476			Số 192, Kỳ 2-6/2008, 26-27	2008
2	Về ba cách tiếp cận khái niệm xác suất ở trường trung học phổ thông	1	x	Tạp chí Giáo dục/ 21896- 0866-7476			Số 208, Kỳ 2-2/2009, 51-53	2009
3	Chủ đề <i>Ước lượng một xác suất chưa biết</i> trong <i>Phân bố nhị thức</i> cần được dạy ở trường trung học phổ thông	1	x	Journal of Science of HNUE: Educational Sciences/ 0868-3719			Vol.54, No.4, 3-8	2009
4	Một số vấn đề về áp dụng xác suất thống kê vào thực tế	1	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục/ 0868-3662			Số 45- tháng 6/2009, 46-49	2009
II	Sau khi được công nhận TS							
	<i>Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế</i>							
5	Relevant Content for a Scientific Collaboration in Mathematics and Physics Education Research – A Comparative Content Analysis of Handbooks and Conference Proceedings in Germany and Vietnam	6		Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education/ 1305-8223	Scopus, Q2		Vol.16, Iss.4, 1-20	2020
6	Teaching Mathematics through Interdisciplinary Projects: A Case Study of Vietnam	1	x	International Journal of Education and Practice/ 2310-3868	Scopus, Q3		Vol.9, No.4, 656-669	2021
7	A Comparative Study of the Probability and Statistics	1	x	International Journal of Education and	Scopus, Q3		Vol.10, No.2, 69-	2022

	Curricula in the High School Mathematics Textbooks of Vietnam and Germany			Practice/ 2310-3868			83	
<i>Các chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản</i>								
8	Interdisciplinarity in School and Teacher Training Programs	2	x	Comparison of Mathematics and Physics Education I/ 978-3-658-29879-1, 978-3-658-29880-7	Springer	1	15-35	2020
9	Abstraction as an Essential Characteristic of Modern Mathematics in the Paradigmatic Example of Fermat's Little Theorem	3		Comparison of Mathematics and Physics Education I/ 978-3-658-29879-1, 978-3-658-29880-7	Springer		55-75	2020
10	The Mathematization of Physics Throughout History	4		Comparison of Mathematics and Physics Education I/ 978-3-658-29879-1, 978-3-658-29880-7	Springer		91-112	2020
11	On the Relationship between Mathematics and Physics according to Günther Ludwig	4		Comparison of Mathematics and Physics Education I/ 978-3-658-29879-1, 978-3-658-29880-7	Springer		137-156	2020
12	Lesson Plan: Measuring Length	1	x	Comparison of Mathematics and Physics Education II/ 978-3-658-36414-4, 978-3-658-36415-1	Springer		91-96	2022
13	Lesson Plan: Probabilities and Statistics	1	x	Comparison of Mathematics and Physics Education II/ 978-3-658-36414-4, 978-3-658-36415-1	Springer		299-305	2022
<i>Các bài báo cáo đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế</i>								
14	Inter TeTra Interdisciplinary Teacher Training with Mathematics and Physics	10		Proceedings of the Eleventh Congress of the European Society for Research in Mathematics Education/ 978-90-73346-75-8			4767-4774	2019
15	Ein Vergleich mathematik-und physikdidaktischer Handbücher für die Lehrerbildung in Vietnam [A comparison	1	x	Beiträge von Der Gesellschaft für Didaktik der			1341	2019

	between mathematics and physics didactic handbooks for preservice teachers at the Vietnamese University of Education]			Mathematik 2019				
<i>Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc gia</i>								
16	Using Tests for Promoting Interactions in Exercise Lessons of Mathematics Education for Students in the Faculty of Mathematics, Hanoi National University of Education	1	x	Journal of Science of HNUE: Educational Sciences/ 0868-3719			Vol.56, No.1, 66-76	2011
17	Using Monte Carlo Simulation When Teaching Probability to High School Students	1	x	Journal of Science of HNUE: Educational Sciences/ 0868-3719			Vol.59, No.5, 64-70	2014
18	Vì sao nên dạy học Toán theo hướng tích hợp?	1	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục/ 0868-3662			Số tháng 1-2016, 13-15	2016
19	The History of Mathematics Can Help to Bridge the Gap between School Mathematics and University Mathematics: A Case Study in Germany	3		Journal of Science of HNUE: Educational Sciences/ 2354-1075			Vol.61, No.11, 3-12	2016
20	Learning by Intuiting – The Approach to Solve Unforeseen Problems in Mathematics Education	2	x	HNUE Journal of Science: Educational Sciences/ 2354-1075			Vol.62, Iss.6, 3-9	2017
21	Dạy học tích hợp liên môn Toán – Vật lí chủ đề “Tính tiền điện và tiết kiệm điện năng” ở trường trung học cơ sở	2	x	Tạp chí Giáo dục/ 2354-0753			Số 420, Kì 2-12/2017, 31-35	2017
22	Application in Mathematics Education? Yes, of Course – But with Caution. About the Dangers of a Pure Empirical Belief System	3		HNUE Journal of Science: Educational Sciences/ 2354-1075			Vol.62, Iss.12, 55-61	2017
23	Applying Formative Assessment Strategies in Teaching Probability in Grade 10 at High Schools	1	x	HNUE Journal of Science: Educational Sciences/ 2354-1075			Vol.65, Iss.12, 165-175	2020
24	Vận dụng một số kỹ thuật đánh giá quá trình trong dạy học môn Toán ở trung học cơ sở	1	x	Tạp chí Giáo dục/ 2354-0753			Số 492, Kì 2-12/2020, 22-27	2020
25	Vận dụng các kỹ thuật đánh giá vì sự tiến bộ học tập trong dạy	1	x	HNUE Journal of Science:			Vol.66, Iss.3,	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	học các học phần Phương pháp dạy học môn Toán ở trường sư phạm			Educational Sciences/ 2354-1075			174-186	
26	Phát triển tư duy thống kê cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu thông qua các dự án học tập	1	x	Tạp chí Giáo dục/ 2354-0753			Tập 22(số đặc biệt 4), 312-320	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 02 bài báo (số thứ tự 6,7) và 3 chương sách (số thứ tự 8,12, 13).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày,	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc	Số tác giả

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	đầu TDTT		tháng, năm)	tế	
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
- + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

.....

- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: chương sách số thứ tự 8 hoặc chương sách số thứ tự 12. Cụ thể là 2 chương sách sau đây:

- Nguyen Phuong Chi & Eduard Krause (2020). Interdisciplinarity in School and Teacher Training Programs. In Simon Friedrich Kraus & Eduard Krause (Eds). *Comparison of Mathematics and Physics Education I* (pp.15-35). Wiesbaden, Germany: Springer.
- Nguyen Phuong Chi (2022). Lesson Plan: Measuring Length. In Frederik Dilling & Simon F. Kraus (Eds). *Comparison of Mathematics and Physics Education II* (pp.91-96). Wiesbaden, Germany: Springer.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Phương Chi